TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 21 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà;

Bà Đặng Thị Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

***Đại diện VKS nhân dân huyện N tham gia phiên toà*:** Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quốc T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Xóm 6, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi ở: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc K, sinh năm 1956; con bà Trần Thị S (đã chết); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 09/01/2023, bị Công an xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng;

Ngày 10/5/2023, bị Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 10/5/2023.

Nhân thân: Ngày 12/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Ngày 18/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh

Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 25/10/2023 đến ngày 02/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1945; trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 25/10/2023, bị cáo Trần Quốc T có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 18Y2-8305 có dung tích xy Lh động cơ 97cm^3 đi trên đường liên xã N - Điền Xá, theo hướng xóm 5, xã N đi đường Đặng Xuân Bảng. Khi T điều khiển xe đến gần ngã ba vào trụ sở Uỷ ban nhân dân xã N, thuộc địa phận xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định thì T cúi người xuống nhặt chiếc khẩu T bị rơi từ móc treo đồ bên hông xe mô tô xuống lốc máy bên trái. Do T không quan sát và điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ đã va chạm phần đầu xe và tay lái bên trái xe vào bà Hoàng Thị Đ là người đi bộ phía trước cùng chiều với xe mô tô do T điều khiển, làm bà Đ bị ngã đập đầu xuống mặt đường và nằm bất tỉnh, T dừng xe nhìn thấy bà Đ nằm bất động thì điều khiển xe mô tô bỏ chạy đi về hướng đường Đặng Xuân Bảng. Khi T đi ra gần đường Đặng Xuân Bảng thì bị người dân chặn lại, T điều khiển xe quay lại và tiếp tục bỏ chạy theo hướng đường trước cổng trụ sở Uỷ ban nhân dân xã N, sau đó T bị anh Nguyễn Tuấn Anh (người dân xã N) dùng xe mô tô đuổi theo và yêu cầu T quay lại hiện trường để giải quyết vụ việc. T dừng lại và gọi điện thoại thông báo cho vợ mình biết, rồi cùng vợ mình và người dân đưa bà Đ đi cấp cứu. Đến 19 giờ cùng ngày, Trần Quốc T đến Công an huyện N để đầu thú về hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của mình. Hậu quả: bà Hoàng Thị Đ bị chấn thương sọ não, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định và chết vào lúc 19 giờ 40 phút cùng ngày.

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ:

+ 01 xe mô tô biển số 18Y2-8305 và đăng ký xe;

+ 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Viện kiểm sát nhân dân huyện N tiến hành khám nghiệm hiện trường, tử thi, phương tiện tham gia giao thông liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1588/KLGĐTT-KTHS ngày 30/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nam Định, kết luận: nạn nhân Hoàng Thị Đ chết do chấn thương vỡ hộp sọ, chảy máu nội sọ

* Tại các Bản kết luận giám định độc chất số 80 và 81 ngày 08/11/2023 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế Ninh Bình, kết luận: Không tìm thấy nồng độ cồn (Ethanol) và chất ma túy trong máu của Trần Quốc T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành thu giữ 01 đoạn video được sao trích từ camera an ninh nhà ông Nguyễn Văn Thu, sinh năm 1966, ở xóm 6, xã N, huyện N, ghi lại nội dung vụ tai nạn giao thông. Tại Bản kết luận giám định kỹ thuật hình sự số 1601/KL-KTHS ngày 10/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép trong nội dung video.

Quá trình điều tra xác định: Vị trí xảy ra tai nạn là ngay cạnh vết máu (1) cách mép đường phải 2,35 mét thuộc phần đường bên phải (theo hướng khám nghiệm hiện trường). Điểm va chạm là phần đầu và tay lái bên trái của xe mô tô biển số 18Y2-8305 và người bà Hoàng Thị Đ.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Trần Quốc T điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát để giảm tốc độ, dừng lại an toàn tránh chướng ngại vật phía trước. Ngoài ra cũng có một phần lỗi của bị hại Hoàng Thị Đ khi đi bộ không đi sát mép đường theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 15.000.000 đồng, người đại diện của người bị hại là chị Lê Thị L đã nhận đủ số tiền, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số: 68/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Lê Thị L trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cơ quan điều tra, đã nhận đủ số tiền 15 triệu đồng, chị không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 03 năm 06 tháng đến 4 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, đại diện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên trả lại chiếc xe mô tô biển số 18Y2-8305, 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 18Y2-8305C và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T cho cho bị cáo, thông qua người nhận thay là chị Nguyễn Thị T (vợ bị cáo).

Về Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vụ việc xảy ra ngoài ý muốn, đã khắc phục hậu quả, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người chứng kiến, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 1588/KLGĐTT-KTHS ngày 30/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 25/10/2023, tại đường liên xã N - Điền Xá, gần ngã ba vào trụ sở Uỷ ban nhân dân xã N, thuộc địa phận xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, bị cáo có giấy phép lái xe mô tô hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 18Y2-8305 theo hướng xóm 5, xã N đến đường Đặng Xuân Bảng, khi điều khiển xe do bị cáo không chú ý quan sát để giảm tốc độ, dừng lại an toàn tránh chướng ngại vật phía trước đã va chạm với bà Hoàng Thị Đ là người đi bộ phía trước cùng chiều, làm bà Đ chết vì chấn thương vỡ hộp sọ, chảy máu nội sọ. Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo đã điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm, đã vi phạm điểm e khoản 3 Điều 30, khoản 17 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 28/9/2019 của Bộ Giao thông vận tải. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an, an toàn giao thông tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện bị pháp luật nghiêm cấm, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và sau khi sự việc xảy ra bị cáo đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi gây tai nạn cho bị hại, bị cáo không ở lại hiện trường để đưa nạn nhân đi cấp cứu kịp thời mà bỏ chạy, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong vụ việc này bị hại cũng có 1 phần lỗi, khi tham gia giao thông (đi bộ) không đi sát mép đường theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ, nên cần xem xét giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng có pháp luật, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, đại diện bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số: 18Y2-8305; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 18Y2-8305 và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T thu giữ trong vụ án, được xác định chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo mua làm phương tiện đi lại. Bị cáo đề nghị trả lại cho chị Nguyễn Thị T (vợ bị cáo), chị T nhất trí nhận lại tài sản, nên cần trả lại chiếc xe mô tô biển số: 18Y2-8305; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 18Y2-8305 cho chị Nguyễn Thị T và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 (ba) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2023.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên trả cho bị cáo chiếc xe mô tô biển số 18Y2-8305 (chiếc xe có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023 giữa cơ quan Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N) và 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 18Y2-8305, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T thông qua vợ bị cáo là Nguyễn Thị T nhận thay (01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 18Y2-8305, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Quốc T đang được lưu trong hồ sơ vụ án; chị T liên hệ với Văn phòng Tòa án nhân dân huyện N để nhận lại giấy này).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, H. N;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Thị Ánh

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XƯ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà **Đặng Thị Thu Hương** **Nguyễn Thị Ánh**